

Số: 3987/NHCS-TDNN

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2018

V/v sửa đổi, bổ sung bộ tiêu chí
chấm điểm, đánh giá chất lượng,
hiệu quả hoạt động giao dịch xã

Kính gửi: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội các tỉnh, thành phố

Ngày 01/08/2017, Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đã ban hành văn bản số 3502/NHCS-TDNN về việc hướng dẫn kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động giao dịch xã. Trên cơ sở đó, đã đưa ra công cụ hỗ trợ tích cực NHCSXH các cấp trong việc kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động giao dịch xã.

Quá trình triển khai, để việc kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động giao dịch xã phù hợp hơn nữa với tình hình hoạt động hiện nay, Tổng Giám đốc NHCSXH sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại văn bản 3502/NHCS-TDNN như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung bộ tiêu chí chấm điểm, đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động giao dịch xã quy định tại Biểu số 02/CĐGDX, 03/CĐGDX văn bản số 3502/NHCS-TDNN, cụ thể:

a) Sửa đổi cách thức tính điểm, thang điểm.

b) Bỏ tiêu chí 4c: Tỷ lệ chuyển khoản để trả nợ, trả lãi.

c) Bỏ tiêu chí 5: Huy động vốn tại Điểm giao dịch xã.

d) Bổ sung tiêu chí “Kiểm tra, đánh giá phiên giao dịch xã” (10 điểm) thay thế tiêu chí 5. Các cấp có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá chịu trách nhiệm về tính chính xác tại các phiên giao dịch xã được kiểm tra.

2. Các Biểu số 02/CĐGDX, 03/CĐGDX (đính kèm văn bản này) thay thế cho Biểu số 02/CĐGDX, 03/CĐGDX tại văn bản số 3502/NHCS-TDNN ngày 01/8/2017. Các nội dung khác không nêu tại văn bản này tiếp tục thực hiện theo văn bản số 3502/NHCS-TDNN.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện cập nhật những nội dung sửa đổi, bổ sung tại văn bản này lên hệ thống thông tin báo cáo.

Nhận được văn bản này, yêu cầu chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện. Nếu có vướng mắc, báo cáo Tổng Giám đốc NHCSXH (qua Ban Tín dụng Người nghèo) xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Hội LH Phụ nữ VN, Hội Nông dân VN;
- Hội Cựu chiến binh VN, Đoàn TNCS HCM;
- Tổng Giám đốc; TBKS;
- Các PTGD, KTT;
- CN NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại HSC;
- SGD, TTĐT, TTCNTT;
- Ban KTKSNBKV miền Nam;
- Lưu: VT, TDNN.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Lý

BIỂU ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH XÃ

Từ.../.../.... đến .../.../....

(Đánh giá cho chi nhánh cấp tỉnh hoặc phòng giao dịch cấp huyện)

I. CÁC TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM

TT	Nội dung	Thang điểm	Kết quả	Điểm	Phương pháp tính
1	Số phiên giao dịch xã (GDX)/Điểm GDX	10			- Tổng số phiên phát sinh giao dịch tại Điểm GDX bình quân tháng trong kỳ báo cáo (X). - Tổng số Điểm GDX bình quân tháng trong kỳ báo cáo (Y). - Số phiên GDX/Điểm GDX trong kỳ báo cáo = X/Y.
	Số phiên GDX/Điểm GDX đạt 1: 10 điểm.				
	Số phiên GDX/Điểm GDX tăng 0,01 phiên so với 1 phiên trừ 0,2 điểm.				
	Số phiên GDX/Điểm GDX nhỏ hơn 1 tạm được 10 điểm và Chi nhánh/Phòng giao dịch giải trình bằng văn bản.				
2	Tỷ lệ Tổ TK&VV tham gia GDX	20			- Tổng số Tổ TK&VV của xã, phường, thị trấn mở Điểm GDX bình quân tháng trong kỳ báo cáo (X). - Tổng số Tổ TK&VV có phát sinh giao dịch tại Điểm GDX bình quân tháng trong kỳ báo cáo (Y). - Tỷ lệ Tổ TK&VV tham gia GDX trong kỳ báo cáo = Y/X*100. - Trong tháng, Tổ TK&VV phát sinh giao dịch tại Điểm GDX nhiều lần thì chỉ tính 01 lần.
	Tỷ lệ Tổ TK&VV tham gia GDX đạt 100%: 20 điểm.				
	Cứ giảm 0,1% Tổ TK&VV tham gia GDX trừ 0,25 điểm.				
	Tỷ lệ Tổ TK&VV tham gia GDX từ 92 % trở xuống: 0 điểm.				
3	Tỷ lệ giải ngân, thu lãi, thu nợ gốc tại Điểm GDX	45			Tổng điểm = Điểm 3a + Điểm 3b + Điểm 3c
3a	Tỷ lệ giải ngân tại Điểm GDX	15			- Tổng số tiền giải ngân đối với các món vay theo phương thức ủy thác (loại trừ chương trình cho vay nhà ở xã hội) của xã, phường, thị trấn mở Điểm GDX trong kỳ báo cáo (X). - Tổng số tiền giải ngân tại Điểm GDX đối với các món vay theo phương thức ủy thác (loại trừ chương trình cho vay nhà ở xã hội) trong kỳ báo cáo (Y). - Tỷ lệ giải ngân tại Điểm GDX trong kỳ báo cáo = Y/X*100.
	Tỷ lệ giải ngân tại Điểm GDX đạt 100%: 15 điểm.				
	Cứ giảm 0,1% so với 100% trừ 0,0375 điểm.				
	Tỷ lệ giải ngân tại Điểm GDX từ 60% trở xuống: 0 điểm				

TT	Nội dung	Thang điểm	Kết quả	Điểm	Phương pháp tính
3b	Tỷ lệ thu lãi tại Điểm GDX	15			- Tổng số tiền thu lãi của các món vay theo phương thức ủy thác (loại trừ chương trình cho vay nhà ở xã hội) của xã, phường, thị trấn mở Điểm GDX trong kỳ báo cáo (X). - Tổng số tiền thu lãi tại Điểm GDX của các món vay theo phương thức ủy thác (loại trừ chương trình cho vay nhà ở xã hội) trong kỳ báo cáo (Y). - Tỷ lệ thu lãi tại Điểm GDX trong kỳ báo cáo = $Y/X \times 100$.
	Tỷ lệ thu lãi tại Điểm GDX đạt 100%: 15 điểm.				
	Cứ giảm 0,1% so với 100% trừ 0,0375 điểm.				
	Tỷ lệ thu lãi tại Điểm GDX từ 60% trở xuống: 0 điểm.				
3c	Tỷ lệ thu nợ gốc tại Điểm GDX	15			- Tổng số tiền thu nợ gốc của các món vay theo phương thức ủy thác (loại trừ chương trình cho vay nhà ở xã hội) của xã, phường, thị trấn mở Điểm GDX trong kỳ báo cáo (X). - Tổng số tiền thu nợ gốc tại Điểm GDX của các món vay theo phương thức ủy thác (loại trừ chương trình cho vay nhà ở xã hội) trong kỳ báo cáo (Y). - Tỷ lệ thu nợ gốc tại Điểm GDX trong kỳ báo cáo = $Y/X \times 100$.
	Tỷ lệ thu nợ gốc tại Điểm GDX đạt 100%: 15 điểm.				
	Cứ giảm 0,1% so với 100% trừ 0,0375 điểm.				
	Tỷ lệ thu nợ gốc tại Điểm GDX từ 60% trở xuống: 0 điểm.				
4	Hoạt động tiền gửi thông qua Tổ TK&VV	15			Tổng điểm = Điểm 4a + Điểm 4b + Điểm 4c
4a	Tỷ lệ Tổ TK&VV có số dư tiền gửi	3			- Tổng số Tổ TK&VV có số dư tiền gửi thời điểm cuối kỳ báo cáo (X). - Tổng số Tổ TK&VV thời điểm cuối kỳ báo cáo (Y). - Tỷ lệ Tổ TK&VV có số dư tiền gửi = $X/Y \times 100$.
	Tỷ lệ Tổ TK&VV có số dư tiền gửi đạt 100%: 3 điểm.				
	Cứ giảm 0,1% so với 100% trừ 0,3 điểm.				
4b	Tỷ lệ tổ viên Tổ TK&VV tham gia gửi tiền	6			- Tổng số tổ viên Tổ TK&VV có số dư tiền gửi thời điểm cuối kỳ báo cáo (X). - Tổng số tổ viên Tổ TK&VV thời điểm cuối kỳ báo cáo (Y). - Tỷ lệ tổ viên Tổ TK&VV tham gia gửi tiền = $X/Y \times 100$.
	Tỷ lệ tổ viên Tổ TK&VV tham gia gửi tiền đạt 100%: 6 điểm.				
	Cứ giảm 0,1% so với 100% trừ 0,02 điểm. Trừ tối đa 6 điểm.				
4c	Tỷ lệ tăng, giảm số dư tiền gửi	6			- Số dư tiền gửi thời điểm cuối kỳ báo cáo (X). - Số dư tiền gửi thời điểm đầu kỳ báo cáo (Y). - Tỷ lệ tăng, giảm số dư tiền gửi = $(X-Y)/Y \times 100$.
	Tỷ lệ tăng, giảm số dư tiền gửi: cứ tăng 0,1% được 0,04 điểm. Tối đa được 6 điểm.				
	Tỷ lệ tăng, giảm số dư tiền gửi ≤ 0 : 0 điểm				
	Số dư tiền gửi/ tổng dư nợ theo phương thức ủy thác (loại trừ chương trình cho vay nhà ở xã hội) đạt trên 7% được 6 điểm, không căn cứ vào tỷ lệ tăng, giảm số dư tiền gửi.				

TT	Nội dung	Thang điểm	Kết quả	Điểm	Phương pháp tính
5	Kiểm tra, đánh giá phiên GDX	10			- NHCSXH cấp tỉnh kiểm tra ít nhất 20% tổng số Phòng giao dịch và Hội sở tỉnh/tháng, tại mỗi đơn vị được kiểm tra, NHCSXH cấp tỉnh kiểm tra ít nhất 01 Điểm GDX. - NHCSXH nơi cho vay kiểm tra ít nhất 10% số Điểm GDX/tháng. - NHCSXH cấp tỉnh đạt 10 điểm khi NHCSXH cấp tỉnh và NHCSXH nơi cho vay kiểm tra đầy đủ theo quy định. - Phương pháp: Làm tròn số lên. Ví dụ: Tỉnh A có 10 Phòng giao dịch và 1 Hội sở tỉnh thì NHCSXH cấp tỉnh sẽ kiểm tra ít nhất là 03 đơn vị ($20\%*11=2,2$ và làm tròn lên 3).
	Kiểm tra, đánh giá đầy đủ theo quy định: 10 điểm.				
	Kiểm tra, đánh giá không đầy đủ: 0 điểm.				
	Cộng	100			

II THANG ĐIỂM XẾP LOẠI

1	Từ 85 điểm trở lên	Tốt	
2	Từ 70 đến dưới 85 điểm	Khá	
3	Từ 50 đến dưới 70 điểm	Trung bình	
4	Dưới 50 điểm	Yếu	

III. KẾT QUẢ XẾP LOẠI HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH XÃ:.....

Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)



Chi nhánh NHCSXH.....

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH XÃ
Từ.../.../....đến .../.../.....

STT	Phòng giao dịch/ chi nhánh	Số phiên GDX/Điểm GDX (10 điểm)		Tỷ lệ Tổ TK&VV tham gia GDX (20 điểm)		Tỷ lệ giải ngân, thu lãi, thu nợ gốc tại Điểm GDX (45 điểm)		Trong đó						Hoạt động tiền gửi thông qua Tổ TK&VV (15 điểm)	Trong đó						Kiểm tra, đánh giá phiên GDX (10 điểm)		Tổng điểm	Xếp loại
								Tỷ lệ giải ngân tại Điểm GDX (15 điểm)		Tỷ lệ thu lãi tại Điểm GDX (15 điểm)		Tỷ lệ thu nợ gốc tại Điểm GDX (15 điểm)			Tỷ lệ Tổ TK&VV có số dư tiền gửi (3 điểm)		Tỷ lệ tổ viên Tổ TK&VV tham gia gửi tiền (6 điểm)		Tỷ lệ tăng, giảm số dư tiền gửi (6 điểm)					
		Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	Tổng cộng																							
A	Vùng																							
																								
B	Vùng																							
																								
C	Vùng																							
																								
																								

Tổng hợp:

- Số Phòng giao dịch/chi nhánh xếp loại tốt: đơn vị, chiếm tỷ lệ%.
- Số Phòng giao dịch/chi nhánh xếp loại khá: đơn vị, chiếm tỷ lệ %.
- Số Phòng giao dịch/chi nhánh xếp loại trung bình: đơn vị, chiếm tỷ lệ %.
- Số Phòng giao dịch/chi nhánh xếp loại yếu:đơn vị, chiếm tỷ lệ %.

Ghi chú

Cột 8 = cột 10 + cột 12 + cột 14

Cột 15 = Cột 17 + cột 19 + cột 21

Cột 25 = Cột 4 + cột 6 + cột 8 + cột 15 + cột 23

Kết quả của từng vùng bằng bình quân kết quả của các chi nhánh trong vùng

Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng.....năm.....

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

